

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19
Năm 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**
- Tên tiếng Anh : **Song Da 19 Joint Stock Company**
- Tên viết tắt : **Song Đa 19 JSC**
- Mã cổ phiếu : **SJM**
- Vốn điều lệ : **50.000.000.000 đồng**
- Địa chỉ : **Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7 đường Chiến Thắng, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.**
- Điện thoại : **043.7876376** - Fax: **043.7876375**
- Website : **http:// www.songda19.com.vn**

Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân là Xí nghiệp xây dựng trang trí nội thất được thành lập từ khi giải phóng năm 1975 thuộc liên hiệp xây dựng số 2 sau này đổi tên thành Công ty xi măng vật liệu xây dựng và xây lắp Đà Nẵng

- Ngày 26 tháng 6 năm 1997 Bộ xây dựng có quyết định số 387/QĐ về việc thành lập Công ty xây dựng trang trí nội thất Sông Đà 19 thuộc Tổng công ty Sông Đà trên cơ sở Xí nghiệp xây dựng trang trí nội thất thuộc Công ty xi măng vật liệu xây dựng và xây lắp Đà Nẵng.

- Ngày 18 tháng 6 năm 2003 Bộ xây dựng có quyết định số 869/QĐ/BTX của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty thành Công ty cổ phần Sông Đà 19 và hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 3203000128 do sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003. Từ đây Công ty Cổ phần Sông Đà 19 chính thức hoạt động với số vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000, đồng (Ba tỷ đồng)

- Ngày 27 tháng 04 năm 2005 Công ty tăng vốn điều lệ lên 4.000.000.000, đồng (Bốn tỷ đồng) theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất do Sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng cấp.

- Ngày 14 tháng 9 năm 2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 15.000.000.000, đồng (Mười lăm tỷ đồng) theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 do Sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng cấp.

- Tháng 12 năm 2007 Công ty được Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận nguyên tắc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Ngày 09 tháng 01 năm 2008 đã được chấp thuận chính thức với mã cổ phiếu là SJM theo quyết định số 03/GCN-TTGDHN

- Ngày 15 tháng 1 năm 2011 Công ty được ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 3.500.000 cổ phiếu. Ngày 15 tháng 6 năm 2011 Công ty được trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ nhất số 02/2008/GCNCP-VSD-1. Chứng nhận tổng số chứng

khoản đã đăng ký của Công ty là 5.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị chứng khoán đăng ký là 50.000.000.000 đồng.

- Ngày 26/3/2014 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quyết định hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty từ ngày 25/4/2014.

- Ngày 20/5/2014 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn UPCOM.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây, trạm biến áp, sân bay, bến cảng cầu;

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà, khách sạn;

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh điện;

- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;

- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);

- Đầu tư, kinh doanh bất động sản và dịch vụ môi giới bất động sản;

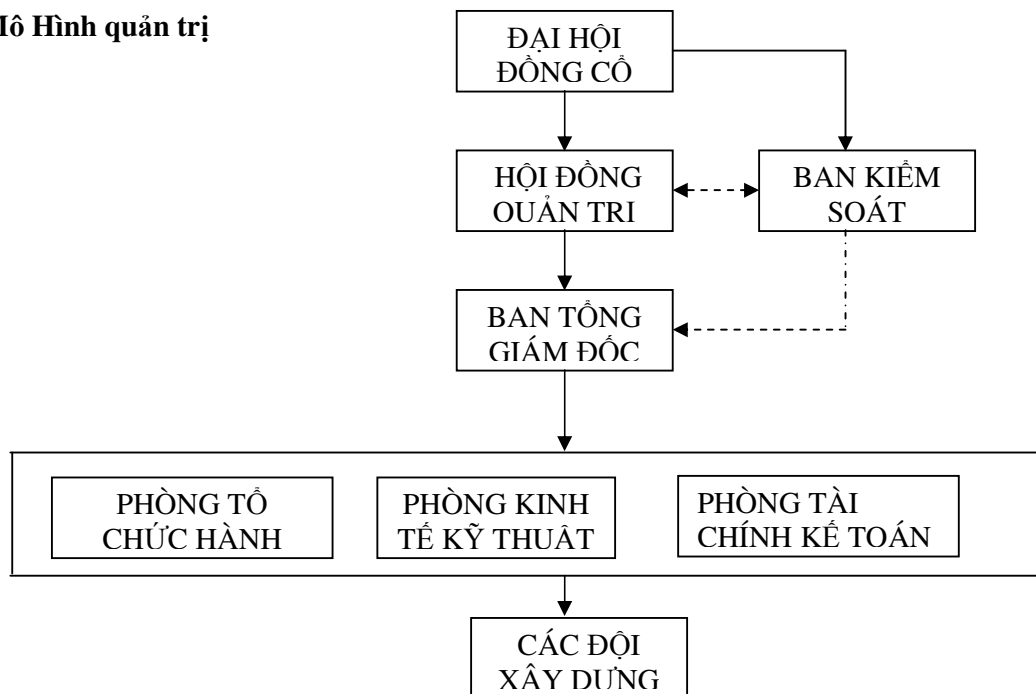
- Phá dỡ, san lấp và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng

- Dịch vụ nông nghiệp

- Trồng cây công nghiệp lâu năm, cây lương thực, cây ăn quả, cây dược liệu...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô Hình quản trị



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

- Ban Tổng Giám đốc điều hành: 01 người

+ Ông Nguyễn Việt Dũng Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2019

- Các phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính, Kinh tế Kỹ thuật, Tài chính kế toán

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu

- Sắp xếp, cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư dài hạn trong đó xem xét thoái một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư vào các Công ty liên kết;

- Giữ mối liên hệ tốt với Chủ đầu tư nhằm phát triển thêm các công trình mới trong lĩnh vực thi công;

- Tiếp tục tạo niềm tin và duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng là đối tác chiến lược, để duy trì nguồn vốn vay tín dụng ổn định đáp ứng nhu cầu vốn thi công các công trình;

- Tập trung công tác thu hồi công nợ thông qua việc thúc đẩy mạnh hoạt động của bộ phận thu hồi công nợ, đặc biệt tập trung vào việc thu hồi công nợ các dự án tại khu vực miền trung và có biện pháp mạnh để giải quyết nợ khó đòi;

- Tính toán phân bổ hợp lý các nguồn vốn trong từng thời gian cụ thể cho từng công trình, dự án nhằm đạt hiệu quả cao nhất;

4.2. Chiến lược phát triển trung, dài hạn:

- Xây dựng kế hoạch tìm kiếm việc làm trong giai đoạn tiếp theo trên cơ sở nghiên cứu kế hoạch phát triển kinh tế của các vùng, ngành, địa phương;

- Công ty chú trọng tập trung lĩnh vực hoạt động sở trường là xây lắp, nhận thầu thi công các công trình xây dựng trong và ngoài nước qua đó tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, đồng thời tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động này;

- Đẩy mạnh mảng đầu tư và hợp tác đầu tư trong lĩnh vực bất động sản, đánh giá đây là mảng sẽ có lợi nhuận trong tương lai lớn nhất.

- Thành lập và sắp xếp lại các Phòng nghiệp vụ nhằm đưa công ty trở thành Công ty hoạt động trên nhiều lĩnh vực và mang lại hiệu quả cao thông qua việc triển khai thêm các lĩnh vực mới;

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro từ môi trường bên trong

5.1.1 Nguồn nhân sự có chất lượng của công ty còn thiếu: Với lực lượng cán bộ ít về số lượng, trình độ chuyên môn chưa giỏi, đa phần là lực lượng cán bộ trẻ mặc dù có nhiệt huyết trong lao động, tuy nhiên kinh nghiệm thi công và kinh nghiệm quản lý còn yếu.

5.1.2 Năng lực thi công: hiện nay rất nhiều chủng loại máy móc, thiết bị tiên tiến hiện đại cho công tác xây dựng cơ bản được các Công ty lớn đầu tư. Trong khi đó năng lực thi công của Công ty còn nhiều hạn chế, máy móc thiết bị không có việc này ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty.

5.1.3 Công tác tiếp cận và mở rộng thị trường còn rất yếu và hạn chế: Đây có lẽ là khâu yếu nhất của Sông Đà 19, với chuyên ngành thi công xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi, hạ tầng, giao thông, trong khi đó các dự án lớn về thủy điện hiện nay không còn, như vậy các dự án thủy điện lớn tại Việt Nam cơ bản đã hết. Năm 2021 nhà nước vẫn tiếp tục cắt giảm đầu tư công, khó khăn trong tiếp cận vốn vay nên không thu hút được đầu tư do đó cơ hội để tìm kiếm việc làm càng khó khăn.

5.2 Rủi ro từ môi trường bên ngoài

5.2.1 Rủi ro từ môi trường tự nhiên: những năm gần đây dịch bệnh và thời tiết ngày càng khắc nghiệt khó dự đoán trước, việc mưa gió thất thường sẽ làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Công ty đặc biệt ảnh hưởng đến các dự án thi công cầu, đường.

5.2.2 Rủi ro trong kinh tế: Các chính sách như cắt giảm đầu tư công, giảm tăng trưởng tín dụng của nhà nước làm ảnh hưởng đến cơ hội tìm kiếm việc làm và tiếp cận nguồn vốn với chi phí lãi vay ở mức chấp nhận được của Công ty là rất khó khăn.

5.2.3 Rủi ro tài chính

- *Lãi suất:* Việc sử dụng vốn vay cho hoạt động SXKD thường chiếm tỷ lệ cao trong nguồn vốn kinh doanh. Chính vì thế, sự biến động lãi suất cho vay trên thị trường luôn có những tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

- *Tỷ lệ lạm phát*: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình của nhiều năm gần đây tăng cao (20%-50%) làm ảnh hưởng đến chi phí đầu vào. Khi chi phí đầu vào tăng lên do lạm phát thì giá bán đầu ra cũng sẽ tăng lên tương ứng. Phần lớn các Hợp đồng xây dựng công ty ký kết đều không điều chỉnh giá. Như vậy, rủi ro từ lạm phát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là khó kiểm soát.

- *Tỷ giá hối đoái*: Các biến động của tỷ giá hối đoái luôn làm ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến giá các mặt hàng chủ chốt như: thép, xi măng, nhiên liệu... là những loại vật liệu chính của các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Vì vậy sẽ tác động làm tăng chi phí sản xuất.

5.2.4 Rủi ro từ sự phát triển của khoa học công nghệ trong xây dựng: Trong những năm qua nền khoa học công nghệ của thế giới và trong nước luôn phát triển mạnh mẽ các thể hệ máy móc mới được ra đời với những tính năng vượt trội so với các thế hệ trước. Đối với lĩnh vực xây lắp hiện nay có rất nhiều thiết bị thi công mới hiện đại. Rõ ràng môi trường ứng dụng các khoa học công nghệ mới đang rất thuận lợi cho các doanh nghiệp lớn đối mới công nghệ sản xuất đồng thời cũng là hạn chế của các doanh nghiệp nhỏ.

5.2.5 Rủi ro từ chính sách pháp luật: Việt Nam đang có thể mạnh nổi bật là có môi trường chính trị, an ninh quốc phòng ổn định thu hút được đầu tư, phát triển kinh tế. Tuy nhiên hệ thống chính sách, pháp luật của Việt Nam thường có nhiều thay đổi, ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng trong và ngoài nước.

5.2.6 Rủi ro từ việc cạnh tranh ngày càng gay gắt: Có thể nói ngành xây dựng hiện nay đang được đánh giá là cạnh tranh khốc liệt nhất, có rất nhiều doanh nghiệp đang thi công từ dân dụng, hạ tầng chuyển sang thi công thủy điện như: Vinaconex, Licogi, Cavico... đồng thời rất nhiều công ty mới đầu tư thiết bị hiện đại, hạ giá thành để cạnh tranh thị trường như các đối thủ cạnh tranh trực tiếp với công ty đã phân tích phân trên.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Xem tại mục III

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành:

2.1.1. Ông Nguyễn Việt Dũng

- Chức vụ hiện tại : Tổng giám đốc - Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2020
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 12/04/1983
- Nơi sinh : Lạng Giang - Bắc Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Thạch Hà - Hà Tĩnh
- Chứng minh nhân dân : 121481098 do CA Bắc Giang cấp Ngày 31/05/2008
- Địa chỉ thường trú : SN 14 ngõ 90, đường Khuyến Lương, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2007 -:- 2008	Công ty CP đầu tư FIT	Chuyên viên phòng Đầu tư
2008 -:- 2013	Công ty CP chứng khoán Sao Việt	Phụ trách phòng Đầu tư

2013 -:- 07/2019	Công ty Cp Hacotec Group Công ty Cp Sông đà 19	Chủ tịch kiêm TGD TV Ban kiểm soát
07/2029 -:- nay	Công ty CP Sông Đà 19 Công ty Cp Hacotec Group	Thành viên HĐQT kiêm TGD Chủ tịch kiêm TGD

2.1.2. Ông NGUYỄN QUỐC CHINH

- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 30/10/1982
- Nơi sinh : Thanh Miếu - Việt Trì – Phú Thọ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Hồng Dương – Thanh Oai – Hà Nội
- Chứng minh nhân dân : **131618288** Do CA Phú Thọ cấp ngày 10/07/2007
- Địa chỉ thường trú : Văn Quán – Hà Đông - Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
08/2008 -:- 05/2010	Công ty cổ phần Someco Sông Đà CN tại Quảng Ninh	Nhân viên kinh tế
05/2010 -:- 10/2015	Công ty cổ phần Sông Đà 1	Nhân viên kế toán, Phó kế toán trưởng
11/2015 -:- Nay	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Kế toán trưởng

* Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần.

STT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ tại ngày 19/6/2020	Số lượng CP nắm giữ tại ngày 31/12/2020
1	Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên HĐQT - Tổng GD	1.100.000	1.100.000
2	Nguyễn Quốc Chinh	Kế toán trưởng		
	Tổng cộng			

* Thông tin về quyền lợi và thù lao của thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, phụ cấp BQ/tháng
1	Nguyễn Việt Dũng	Tổng giám đốc	10.400.000
3	Nguyễn Quốc Chinh	Kế toán trưởng	8.600.000

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

2.3.1 Số lượng cán bộ công nhân viên

- Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng số lao động hiện có của Công ty là 05 người, trong đó có 04 lao động nam, chiếm 80% và 01 lao động nữ, chiếm 20%. Cơ cấu lao động của Công ty phân loại theo trình độ học vấn như sau:

TT	Trình độ học vấn	Số người	Tỷ trọng (%)
I.	Trình độ chuyên môn		
1	Lao động trình độ trên đại học	2	40
2	Lao động trình độ đại học	3	60
3	Lao động trình độ cao đẳng		
4	Lao động trình độ trung cấp		
5	Lao động công nhân kỹ thuật		
6	Lao động phổ thông		
II.	Hợp đồng lao động		
1	- Không xác định	5	100
2	- Xác định thời hạn		
3	- Lao động thời vụ		
	Tổng cộng	5	100

2.3.2 Chính sách đối với người lao động:

- Nhằm mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ chính sách quy định của Nhà nước. Ký hợp đồng lao động đối với mọi thành viên trong Công ty, tổ chức ký thỏa ước lao động tập thể giữa lãnh đạo Công ty và Công đoàn Công ty để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, có chính sách thu hút nguồn cán bộ, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao vào làm việc, có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín của Công ty.

- Công ty cũng đã thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ bảo trợ khác đối với người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty hiện nay là 3.213.000 đồng/ người/ tháng. Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn: không

3.2 Công ty liên kết: không

4. Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	36.855.299.893	31.674.159.870	-14%
2	Doanh thu thuần	178.181.818	785.446.605	341%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.502.085.853	-1.556.928.090	-204%
4	Lợi nhuận khác	209.848.405	-85.651.545	-141%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.711.934.258	-1.642.579.635	-196%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.711.934.258	-1.642.579.635	-196%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tại ngày 31/12/2020 toàn bộ số lượng cổ phần của Công ty đều thuộc loại chuyển nhượng tự do. Công ty không có cổ phiếu niêm yết tại nước ngoài.

Cổ phần	Số lượng	Tổng mệnh giá	% vốn điều lệ	Ghi chú
1. Chuyển nhượng tự do	5.000.000	50.000.000.000	100	
2. Hạn chế chuyển nhượng				
Tổng cộng	5.000.000	50.000.000.000	100	

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tại ngày 19/06/2020 như sau:

Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần	Tổng mệnh giá (triệu đồng)	Tỷ lệ%/ vốn điều lệ
A. Cổ đông trong nước	570	4.999.600	4.999,6	99,992%
I. Cổ đông lớn	03	3.146.094	3.146,1	62,922%
<i>1. Tổ chức</i>				
<i>2. Cá nhân</i>	03	3.146.094	3.146,1	62,922%
- Bùi Tuấn Dũng		1.201.694	1.201,7	24,034%
- Lưu Thị Mai		844.400	844,4	16,888%
- Nguyễn Việt Dũng		1.100.000	1.100,0	22,000%
II. Cổ đông nhỏ	567	1.853.506	1.853,5	37,070%
B. Cổ đông nước ngoài	03	400	0,0004	0,008%
1. Tổ chức				
2. Cá nhân	03	400	4,00	0,008%
Tổng cộng	573	5.000.000	50.000	100%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2020 Công ty không có thay đổi về tăng, giảm vốn điều lệ

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Đầu năm 2020 Công ty không có cổ phiếu quỹ, trong năm Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5 Các chứng khoán khác: Trong năm 2020 Công ty không phát hành bất cứ loại chứng khoán khác nào.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Do đặc thù đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh về xây lắp nên nguồn nguyên vật liệu đơn vị sử dụng cho các công trình được nhập và xuất thẳng cho các công trình sử dụng theo tiến độ công trình.

6.2 Tiêu thụ năng lượng: Đơn vị sử dụng điện năng cho hoạt động sản xuất kinh doanh là rất thấp, Công ty sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm theo đúng tiêu chuẩn, tránh lãng phí

6.3 Tiêu thụ nước: Sử dụng đường nước sạch tránh thất thoát lãng phí, không gây ô nhiễm ảnh hưởng đến môi trường

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước. Công ty thường xuyên có ý thức và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra, tuân thủ các quy định và hướng dẫn bảo vệ môi trường quản lý, không gây ô nhiễm và không làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng môi trường cho Khu vực.

Do vậy trong quá trình hoạt động Công ty chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

a, Số người lao động có mặt đến 31/12/2020: 05 người. Mức lương trung bình là: 5,37 triệu đồng/người/tháng.

b, Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty luôn xác định vấn đề sức khỏe và an toàn lao động là mục tiêu quan trọng chung của toàn hệ thống Công ty từ Ban giám đốc tới các cấp quản lý đến Công nhân. Công ty luôn áp dụng các chính sách phù hợp với thực tế để đảm bảo chính sách về sức khỏe và an toàn lao động và phúc lợi thực sự có ích cho người lao động.

- Bên cạnh việc bảo vệ sức khỏe cho người lao động Công ty chưa chăm lo tới đời sống anh em cán bộ công nhân viên Công ty. Hàng năm Công ty chưa tổ chức được các chương trình vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cho cán bộ công nhân viên công ty như: các giải bóng đá phong trào, tổ chức nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên dịp 30/4, 1/5 và 2/9, tổ chức thăm hỏi CBCNV ốm đau, hiếu, hi.

c, Hoạt động đào tạo người lao động.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020	Thực hiện KH SXKD năm 2020	% HT KH 2020
1	Tổng giá trị xây lắp	10 ⁶ đ	5.000	1.334	26,68%
2	Doanh thu	“	4.500	1.256	29,9%
3	Lợi nhuận	“	0		
4	Thu nhập bq 1 CNV	“	6,8	5,37	78,55

5	TS lợi nhuận/D.thu	%			
---	--------------------	---	--	--	--

1.2 Nguyên nhân lỗ:

- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 của Công ty lỗ 1.642.579.635, đồng chủ yếu do lỗ từ hoạt động kinh doanh BĐS: 580.009.256, đồng và trong năm Công ty đạt Doanh thu thấp do không có công ăn việc làm nhưng vẫn phải thực hiện chi trả chi phí quản lý: 948.446.716, đồng.

- Trong những năm qua Công ty gặp rất nhiều khó khăn do không có dự án, công trình gói đầu, các công trình từ trước đã thi công xong. Mặt khác, công tác nghiệm thu thanh quyết toán tại các công trình dù đã được lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm. Đối với các khoản dờ dang và công nợ phải thu, Công ty đã thành lập bộ phận thu vốn do Tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo các bộ phận thu hồi công nợ và tập trung đặc biệt vào các công trình có giá trị như Dự án Nam Xa La, Thăng Long - Victory, Thủy điện Lai Châu..... Nhưng vẫn rất chậm chễ, trong khi đó duy trì bộ máy để phục vụ công tác thu hồi vốn.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2020 giảm so với năm 2019 là do các yếu tố sau:

- Tài sản ngắn hạn: Giá trị Đầu tư tài chính ngắn hạn là chỉ tiêu giảm lớn nhất do năm 2020 Công ty tất toán khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng.

2.2 Tình hình nợ phải trả

Tính đến 31/12/2020 Tổng nợ của Công ty là 26,976 tỷ đồng bằng 85,16% tổng nguồn vốn. Trong đó Nợ ngắn hạn chiếm 100% trong tổng nợ là do tình hình thu hồi vốn tại các công trình chậm, các nguồn tín dụng bị hạn chế làm cho tăng công nợ phải trả khách hàng và các khoản công nợ khác.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Được giải trình đầy đủ và đăng tải theo báo cáo tài chính trên Website của Công ty cổ phần Sông Đà 19

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2020 mặc dù Nhà nước đã có các giải pháp hỗ trợ nhưng các doanh nghiệp Việt Nam vẫn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế trong năm qua tập thể CBCNV Công ty đã có nhiều nỗ lực, cố gắng tập trung đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa sức mạnh tập thể. Các chỉ tiêu kinh tế năm 2020 của Công ty cụ thể như sau:

DVT: 10⁶ đ

TT	Chỉ tiêu	KH	TH	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng	5.000	1.334	26,68%
2	Tổng doanh thu	4.500	1.225	27,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	0	0	
4	Thu nhập bq/CBCNV	6,8	5,37	78,55%
5	Tỷ lệ trả cổ tức			

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Ban Tổng giám đốc, ngay từ đầu năm 2020 Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ như:

- Đã ổn định và kiện toàn bộ máy tổ chức, quản lý điều hành của Công ty theo định hướng phù hợp với điều kiện SXKD của đơn vị;

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ký hợp đồng, có vốn và mặt bằng thi công;

- Tìm kiếm và phát triển thị trường;

Tuy nhiên năm 2020 Công ty không đạt được một số chỉ tiêu kinh tế đề ra do các nguyên nhân:

- Tiềm lực tài chính và năng lực thi công hiện chưa đủ mạnh để cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành xây lắp cũng như tham gia đấu thầu các công trình lớn;

- Tình trạng thi công chưa đủ điều kiện như: thiếu mặt bằng, thiết kế sửa đổi bổ sung chậm phê duyệt, việc bố trí vốn của chủ đầu tư vừa thiếu vừa không phù hợp với tiến độ thi công đã làm cho công tác thi công kéo dài, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Đội ngũ Cán bộ quản lý, kỹ thuật chưa thật sự mạnh;

- Chưa thực hiện tốt chính sách thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ có năng lực.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban giám đốc Công ty cũng là thành viên HĐQT nên việc Báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Tổng giám đốc cho HĐQT tiếp cận tới các thành viên thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quản trị trong việc điều hành Sản xuất kinh doanh của Công ty qua Email, điện thoại ngoài cuộc họp thường kỳ.

- Hội đồng quản trị tiếp tục theo dõi, giám sát và có những quyết sách chỉ đạo bám sát tình hình kinh doanh cũng như hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc. Việc giám sát được thực hiện qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2020 với những cơ hội và thách thức mới, để giữ vững và phát triển nâng cao hiệu quả SXKD, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tập trung chỉ đạo vào các lĩnh vực sau:

- Chỉ đạo phân tích, đánh giá tình hình hoạt động SXKD năm 2020, chấn chỉnh các mặt hoạt động trong năm 2020, các giải pháp khắc phục trong năm 2020;

- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2020, kế hoạch tài chính, lợi nhuận, dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp;

- Kiện toàn, định biên sắp xếp lại bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình mới để thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD năm 2020;

- Tăng cường công tác quản lý, tập trung nguồn lực đảm bảo theo hợp đồng đã ký kết;

- Rà soát, điều chỉnh lại các quy định quy chế phụ hợp với tình hình SXKD;

- Duy trì các cuộc họp HĐQT.

3.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 :

TT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	KH năm 2021	Ghi chú
A	GIÁ TRỊ SX KD			
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10³đ	50.002.500	
II	DOANH SỐ BÁN HÀNG	10³đ	50.002.500	
1	Doanh thu	“	45.457.045	

2	Thuế GTGT đầu ra	“	4.545.455	
III	LỢI NHUẬN	10³đ	10.000.000	
1	Tỷ suất lợi nhuậnTT/Doanh thu	%	22	
2	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%	20	
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10³đ		
1	Đầu tư tài chính	“		
2	Mua sắm tài sản	“		

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên HĐQT của Công ty gồm 03 Thành viên. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền sau:

+ Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;

+ Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;

+ Kiến nghị, sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;

+ Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;

+ Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

* Ông **NGUYỄN VIỆT DŨNG**: Thành viên HĐQT

Lý lịch xem tại lý lịch tóm tắt của các thành viên Ban điều hành

* Ông **LÊ TRỌNG HƯNG**: Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT

- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 20/06/1984

- Nơi sinh : Nguyên Bình – Tỉnh Gia – Thanh Hóa

- Quốc tịch : Việt Nam

- Quê quán : Nguyên Bình – Tỉnh Gia – Thanh Hóa

- Chứng minh nhân dân : 172181261 do CA Thanh Hóa cấp ngày 04/09/2009

- Địa chỉ thường trú : Số 6, hiern 192/159/56 Lê Trọng Tấn, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2007 - 2013	Cty CP Chứng khoán Sao Việt	Chuyên viên
2013 - 2018	Cty CP Chứng khoán SHB	Trưởng phòng môi giới
2018 – 07/2020	Cty TNHH Logistics Nam Á	Giám đốc
08/2020 – nay	Cty CP Sông Đà 19	Chủ tịch HĐQT

* Bà **NGUYỄN THỊ THANH BÌNH**: Thành viên HĐQT

- Chức vụ : Phó Phòng tổ chức hành chính
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 11/02/1972
- Nơi sinh : Thành phố Hòa Bình – Tỉnh Hòa Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Nghi Xá – Nghi Lộc - Nghệ An
- Chứng minh nhân dân : 012583315 do CA Hà Nội cấp ngày 10/12/2011
- Địa chỉ thường trú : Tập thể y tế I, tổ 10, phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kế toán

- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1992- 1993	XN đời sống – Cty XD công trình ngầm	Nhân viên
1993-1999	Công ty XD công trình ngầm Sông Đà 10	Nhân viên phòng TCHC
1999- 2000	XN xây lắp và thi công 10.1 - Công ty XD công trình ngầm Sông Đà 10	Nhân viên phòng kế toán
2000 -2002	Công ty Sông Đà 11	Nhân viên phòng kế hoạch
2002- 2007	Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty Sông Đà 11	Nhân viên phòng kế toán
2007-2009	Công ty CP KT điện Sông Đà	Nhân viên phòng kế toán
2009 – 04/2018	Công ty CP Sông Đà 19	Phó phòng TCHC
04/2018 - nay	Công ty CP Sông Đà 19	Thành viên HĐQT, Phó phòng TCHC

a) **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu công việc cho đến năm 2020 Công ty chưa thành lập các tiểu ban giúp việc cho HĐQT.

b) **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị định kỳ (mỗi quý 1 lần) và tổ chức một số buổi họp đột xuất khác theo yêu cầu của công tác SXKD để kiểm điểm thực hiện các nhiệm vụ của kỳ trước, thông qua chủ trương và chỉ đạo sát sao việc thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty, đưa ra hướng giải quyết các vấn đề phát sinh, thông qua các chương trình hoạt động, ban hành các nghị quyết, quyết định...kịp thời cho công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm HĐQT đã ban hành 08 Nghị quyết phục vụ cho công tác điều hành SXKD của Công ty;

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được xây dựng trên nguyên tắc tập thể đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng quản trị;

- Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty và quy chế hoạt động của HĐQT;

- Thực hiện tốt việc sửa đổi bổ xung hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định cũ đã ban hành theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị;

c) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Công ty không có thành viên HĐQT độc lập

d) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Công ty chưa có các tiểu Ban giúp việc HĐQT.

e) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:** Tất cả thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia các lớp học bồi dưỡng về quản trị Công ty. Tất cả thành viên HĐQT đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát

- Tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 ngày 15/07/2019 Đại hội đồng cổ đông đã thực hiện bỏ phiếu miễn nhiệm Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023. Kể từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Công ty không có Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương BQ/tháng	Thù lao BQ/tháng
1. Lê Trọng Hưng	Chủ tịch HĐQT	12.000.000	5.000.000
2. Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên HĐQT, TGĐ	10.500.000	3.000.000
3. Nguyễn Thị Thanh Bình	Ủy viên HĐQT, Phó phòng TCHC	7.000.000	3.000.000
4. Nguyễn Quốc Chinh	Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT	8.600.000	1.500.000
Tổng cộng			12.500.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2020)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2020)	Lý do tăng, giảm
T					

		nội bộ/cổ đồng lớn	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Hoàng Việt Thanh		300.000	6	0	0	Bán
2	Bùi Tuấn Dũng		1.201.694	24,03	0	0	Bán
3	Nguyễn T.Thanh Bình		500.000	10	0	0	Bán
4	Nguyễn Việt Dũng		900.000	18	1.100.000	22	Mua
5	Mai T.Thanh Bình		0	0	64.400	1,29	Mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

- Trong năm 2020 Công ty không thực hiện huy động vốn lưu động của CBCNV;

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã và đang thực hiện theo đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020. Số dư chưa được đối chiếu lần lượt bao gồm: Phải trả người bán ngắn hạn: 10.854.882.868 VND và 12.882.905.261 VND (xem thuyết minh số V.10) và Phải trả ngắn hạn khác: 7.714.499.617 VND và 7.570.122.997 VND (xem thuyết minh số V.14). Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các khoản công nợ nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020, cũng như ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty (nếu có).

- Công ty chưa thực hiện đầy đủ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các số dư nợ phải thu khách hàng quá hạn thanh toán lâu ngày. Số dự phòng phải trích thêm theo chính sách kế toán của Công ty ước tính là 12.287.280.340 VND. Nếu Công ty ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên thì trên Bảng cân đối kế toán ảnh hưởng tăng chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” và giảm chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020 cùng giá trị là 12.287.280.340 VND.

2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về lỗ lũy kế của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 45.302.117.807 VND, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 3.981.818.760 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội và được đăng tải đầy đủ trên Website của Công ty cổ phần Sông Đà 19.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Dũng